Số: 342/BC-UBND; 12/12/2025; 16:34:08;

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Thời gian KC-HT	Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) được cấp có thẩm quyền giao						Kết quả giải ngân đến ngày 30/11/2025					Dự kiến có khả năng giải ngân	Ghi chú
			Đơn vị thực hiện	Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn nguồn NSTW năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025		Tổng cộng	Kế hoạch vốn năm 2025		Kế hoạch vốn nguồn NSTW năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025			
					NSTW	NSĐP	NSTW	NSĐP		NSTW	NSĐP	NSTW	NSĐP		
	TỔNG SỐ			**2.915,7**	**2.612,0**	**0,0**	**303,7**	**0,0**	**13,3**	**0,0**	**0,0**	**13,3**	**0,0**	**2.108,9**	
1	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**	2025	Phòng Kinh tế	**1.434,2**	**1.383,0**		**51,2**		**0,0**					**1.200,0**	
2	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**			**741,6**	**690,0**	**0,0**	**51,6**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**182,4**	
2.1	Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	2025	Phòng Kinh tế	559,2	547,0		12,2		0,0					0,0	Hết đối tượng
2.2	Tiểu dự án 2. Hỗ trợ Cải thiện dinh dưỡng	2025	Phòng Văn hóa và Xã hội	182,4	143,0		39,4		0,0					182,4	
3	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**			**340,3**	**240,0**	**0,0**	**100,3**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**340,3**	
3.1	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	2025	Phòng Văn hóa và Xã hội	340,3	240,0		100,3		0,0					340,3	
4	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**			**138,4**	**135,0**	**0,0**	**3,4**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**0,0**	**138,4**	
4.1	Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin	2025	Phòng Văn hóa và Xã hội	101,0	101,0				0,0					101,0	
4.2	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	2025	Phòng Văn hóa và Xã hội	37,4	34,0		3,4		0,0					37,4	
5	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**			**261,1**	**164,0**	**0,0**	**97,1**	**0,0**	**13,3**	**0,0**	**0,0**	**13,3**	**0,0**	**247,8**	
5.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình			118,6	112,0	0,0	6,6		0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	118,6	
-	Tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác giảm nghèo cấp xã	2025	Phòng Kinh tế	118,6	112,0		6,6		0,0					118,6	
5.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá (Thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá dự án thành phần)	2025	Phòng Kinh tế	142,6	52,0		90,6		13,3			13,3		129,2	